

**TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2025/DS-PT
Ngày: 17/12/2025
*“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy quyết định cá biệt”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà;
Ông Ong Thân Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thuỳ Trang, Thư ký Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: Bà Phan Diệu Nhân, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6521/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn T10; địa chỉ: Xóm B, xã T, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An).

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn Đ, chức vụ: Giám đốc; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Đình D, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; cùng có địa chỉ: Xóm B, xã T, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An); đều vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An và Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Nghệ An); vắng mặt.

3.2. Ông Vi Văn K và bà Bùi Thị K1 (đều đã chết).

- *Người đại diện cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông K1, bà K1:* Ông Vi Văn H, sinh năm 1961; địa chỉ: Bản C, xã T, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Bản Chiềng, xã T, tỉnh Nghệ An); có mặt.

3.3. Ông Nguyễn Cảnh H1, sinh năm 1959 và bà Vi Thị T1, sinh năm 1960; đều vắng mặt.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của ông H1, bà T1:* Ông Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: Xóm B, xã T, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An); có mặt.

3.4. Ông Vi Văn T2, sinh năm 1969 (vắng mặt) và bà Lào Thị T3, sinh năm 1967 (có mặt); cùng có địa chỉ: Bản K, xã T, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Bản K, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An).

3.5. Ông Lào Văn N, sinh năm 1962 và bà Lang Thị V; cùng có địa chỉ: Bản K, xã T, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Bản K, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An); đều vắng mặt.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của ông N, bà V:* Ông Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: Xóm B, xã T, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An); có mặt.

3.6. Bà Lào Thị T4, sinh năm 1956 (vắng mặt) và ông La Văn T5, sinh năm 1954 đồng thời là đại diện theo uỷ quyền của bà T5 (có mặt); cùng có địa chỉ: Bản K, xã T, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Bản K, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An);

3.7. Bà Lang Thị T6, sinh năm 1962 và ông Lô Văn H2, sinh năm 1964 đồng thời là đại diện theo uỷ quyền của bà T6; địa chỉ: Bản H, xã T, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Bản Hiện, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An); đều vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T10.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo như sau:

- *Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T10 do người đại diện trình bày:*

Từ năm 1998 đến năm 2001, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T10 (gọi tắt là Công ty T10) có tiếp thu chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước cho phép thu gom một số diện tích đất rừng sản xuất không đủ điều kiện canh tác để đưa vào sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện công ăn việc làm cho nhân dân. Công ty T10 đã nhận chuyển nhượng của 06 hộ gia đình 06 lô đất mà họ khai hoang vào năm 1980-1982 và đã được cấp sổ lâm bạ cùng một thời điểm tại tờ bản đồ số 02, tiểu khu H, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An, bao gồm: Ông Nguyễn Cảnh H1, lô đất số 85, diện tích 11 ha; ông Vi Văn K, lô đất số 96, diện tích 13,2 ha; ông Vi Văn T2, lô đất số 84, diện tích 11,2 ha; ông Lào Văn N, lô đất số 51, diện tích 20,6 ha; ông Lô V, lô đất số 93, diện tích 13,5 ha và ông Lô Văn T7, lô đất số 75, diện tích 10,7 ha; tổng diện tích của 06 lô đất là 80,6 ha và đều giáp ranh với nhau, được cấp sổ

lâm bạ ngày 12/01/1996. Năm 2008, Công ty T10 làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) thì Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện T, tỉnh Nghệ An phát hiện ông Trần Đình D cũng có 01 sổ lâm bạ cấp ngày 25/11/1998 thuộc tờ bản đồ số 63, tiểu khu H, diện tích 76,7 ha chồng lên thửa đất Công ty T10 đã nhận chuyển nhượng của 06 hộ dân nên UBND huyện T không cấp GCNQSDĐ cho công ty, sau nhiều lần hòa giải nhưng không thành.

Do đó, Công ty T10 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Đình D, bà Nguyễn Thị T phải trả lại diện tích đất sản xuất thuộc thửa đất số 174, tờ bản đồ số 02 tại Tiểu khu H cho Công ty T10 và hủy hồ sơ giao đất lâm nghiệp của ông Trần Đình D ngày 25/11/1998, diện tích 76,7 ha. Hiện nay, trên vùng đất, Công ty T10 đang sử dụng khoảng 40 ha đất để chăn nuôi, phần đất còn lại hơn 30 ha là do gia đình ông Trần Đình D quản lý sử dụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Công ty T10 yêu cầu ông D, bà T phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất 27 năm x 18.000.000đ/ha x 76 ha tương đương 36.936.000.000 đồng và yêu cầu san lấp lại ao hồ,... theo hiện trạng ban đầu.

- Bị đơn ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 1998, theo chủ trương giao đất, giao rừng của Đảng và Nhà nước, cán bộ Kiểm lâm huyện T, xã T và xóm về tại địa bàn giao nhận, lúc đó, cán bộ tuyên truyền từng hộ dân ai muốn nhận đất 01 ha là 25.000 đồng thì nhận nhưng lúc đó người nhận, người không vì mất tiền, ít người quan tâm nên gia đình ông bà mới được giao và nhận đủ diện tích 76,7 ha x 25.000 đồng/ha. Từ năm 1998, gia đình ông bà vào rừng để đắp đập giữ nước và đã xây dựng được 02 gian nhà nhỏ để sinh sống, hiện nay gia đình ông bà vẫn đang sinh sống và trồng trọt trên đất. Do đó, việc Công ty T10 khởi kiện là không có căn cứ. Trước năm 2017, ông bà đã cho ông Nguyễn Hữu D1, ông Nguyễn Hữu H3, ông Trần Đình N1, ông Nguyễn Đình Q trồng keo và họ đã thu hoạch vào năm 2022. Hiện nay, gia đình ông bà đã sử dụng diện tích đất trên 40 ha, trong đó trồng keo khoảng 30 ha vào khoảng tháng 4/2022 (sau khi Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ thụ lý vụ án tranh chấp). Ông bà không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của Công ty T10.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Cảnh H1, bà Vi Thị T1 trình bày:

Năm 1983, gia đình ông bà khai hoang vùng đất để làm rẫy, năm 1996 Hạt kiểm lâm huyện T cấp và giao đất tại Tiểu khu H, lô đất số 85, diện tích 11 ha. Ngày 07/6/2001, ông bà chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ (Công ty T10). Ông bà xác nhận đã chuyển nhượng nên thuộc quyền sử dụng của ông Đ và không có ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vi Văn K, bà Bùi Thị K1 (đều đã chết), do người đại diện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trình bày:

Năm 1983, gia đình ông bà K1 khai hoang vùng đất để làm rẫy, năm 1996 Hạt kiểm lâm huyện T cấp và giao đất tại Tiểu khu H, lô đất số 96, diện tích 13,2 ha. Ngày 07/6/2001, ông bà K1 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ (Công

ty T10) nên thuộc quyền sử dụng của ông Đ và không có ý kiến gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vi Văn T2 và bà Lào Thị T3 trình bày:*

Năm 1983, gia đình ông bà khai hoang vùng đất để làm rẫy, năm 1996 Hạt kiểm lâm huyện T cấp và giao đất tại Tiểu khu H, lô đất số 84, diện tích 11,2 ha. Ngày 07/6/2001, ông bà đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ (Công ty T10) nên thuộc quyền sử dụng của ông Đ, ông bà không có ý kiến gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lào Văn N và bà Lang Thị V trình bày:*

Năm 1983, gia đình ông bà khai hoang vùng đất để làm rẫy, năm 1996 Hạt kiểm lâm huyện T cấp và giao đất tại Tiểu khu H, lô đất số 51, diện tích 206 ha. Ngày 07/6/2001, ông bà đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ (Công ty T10) nên thuộc quyền sử dụng của ông Đ, ông bà không có ý kiến gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lô Văn H2 và bà Lang Thị T6 trình bày:*

Năm 1983, gia đình ông bà khai hoang vùng đất để làm rẫy, năm 1996 Hạt kiểm lâm huyện T cấp và giao đất tại Tiểu khu H, lô đất số 93, diện tích 13,5 ha. Ngày 07/6/2001, ông bà đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ (Công ty T10) nên thuộc quyền sử dụng của ông Đ, ông bà không có ý kiến gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông La Văn T5 và bà Lào Thị T4 trình bày:*

Năm 1983, gia đình ông bà khai hoang một vùng đất để làm rẫy; năm 1996 Hạt kiểm lâm huyện T cấp và giao đất tại Tiểu khu H, lô đất số 75, diện tích 10,7 ha. Ngày 07/6/2001, ông bà đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ (Công ty T10) nên thuộc quyền sử dụng của ông Đ, ông bà không có ý kiến gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện T, tỉnh Nghệ An trình bày:*

Vụ việc tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Văn Đ và ông Trần Đình D tại khu vực đất lâm nghiệp thuộc xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An phát sinh khoảng từ năm 2018. Để làm rõ việc cấp lâm bạ cho các hộ gia đình, cá nhân, trong đó có sổ lâm bạ của ông Trần Đình D cấp ngày 25/11/1998, diện tích 76,7 ha, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An thì ngày 22/5/2023 UBND huyện T đã có Công văn số 895/UBND.TNMT gửi Hạt Kiểm lâm huyện T để xác minh. Ngày 29/5/2023, Hạt Kiểm lâm huyện T có Văn bản số 38/BC-KL nêu rõ hồ sơ giao đất lâm nghiệp của ông Trần Đình D ngày 25/11/1998, diện tích 76,7 ha, xã T là đúng tiểu khu còn các hộ khác sai tiểu khu; về bản đồ đo vẽ theo Nghị định 02/CP tại khu vực xã T hiện nay Hạt Kiểm lâm không lưu giữ. Tại Văn bản số 1467/UBND-TNMT ngày 10/8/2023 của UBND huyện T xác định tại địa bàn xã T, huyện T không có Tiểu khu H mà chỉ có Tiểu khu H và Tiểu khu H; hiện nay Tiểu khu H nằm tại địa bàn hành chính xã T. Hồ sơ giao đất lâm nghiệp cho các gia đình ông Lào Văn N, ông Vi Văn T2, ông Lô Văn H2, ông La Văn T5, ông Nguyễn Cảnh H1 và ông

Vy Văn K2 xác định sai Tiểu khu, chỉ có gia đình ông Trần Đình D đúng Tiểu khu H. Vì vậy, UBND huyện T, tỉnh Nghệ An chưa có cơ sở cho ý kiến về hủy hồ sơ giao đất lâm nghiệp của ông Trần Đình D cấp ngày 25/11/1998, diện tích 76,7 ha, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An trình bày:

Về thông tin hồ sơ, tài liệu: Các thông tin về hồ sơ, tài liệu không lưu trữ tại UBND xã T. Vì trước đây đất lâm nghiệp do Chi cục Kiểm lâm quản lý và cấp sổ lâm bạ cho nhân dân, không lập hồ sơ cụ thể và không thông qua Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của xã xem xét nên UBND xã T không có hồ sơ liên quan đến thửa đất.

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Thửa đất số 174, tờ bản đồ số 02 thuộc bản đồ lâm nghiệp xã T được các hộ ông Lào Văn N, ông Lào Văn T8, ông Vy Văn T9, ông Nguyễn Cảnh H1, ông Lô Văn H2 và ông Vy Văn K2 khai hoang từ năm 1980 đến năm 1981 và trồng lúa nương. Đến năm 1998-2000, các hộ trên chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ - Giám đốc Công ty T10, sau khi nhận chuyển nhượng, ông Đ khoanh nuôi và bảo vệ một phần, còn một phần cho ông Nguyễn Đình Q trồng cây. Ngày 25/11/1998, Chi cục Kiểm lâm giao cho hộ ông Trần Đình D. Sau khi được giao, hộ ông Trần Đình D sử dụng sản xuất nông nghiệp và cho các hộ trồng cây một phần còn một phần để rừng tự nhiên khoanh nuôi.

Về việc cấp GCNQSDĐ: Ngày 19 và ngày 20/01/1996, UBND huyện T cấp sổ lâm bạ cho các hộ tại tiểu khu H gồm: Ông Nguyễn Cảnh H1 tại lô số 85, diện tích 11 ha; ông Lào Văn N tại lô số 51, diện tích 20,6 ha; ông La Văn T5 tại lô số 75, diện tích 19,7 ha; ông Vy Văn T9 tại lô số 84, diện tích 11,2 ha; hộ ông Vy Văn K2, lô số 96, diện tích 13,2 ha; ông Lô Văn H2 tại lô số 61, diện tích 4,5 ha. Ngày 25/11/1998, UBND huyện T cấp sổ lâm bạ cho ông Trần Đình D tại tiểu khu H, lô số 4, diện tích 76,7 ha.

- Người làm chứng ông Trương Công H4 khai:

Ông nguyên là Chủ tịch UBND xã T từ năm 1996 đến năm 2004 thì nghỉ hưu. Theo ông, năm 1998 ông Trần Đình D được giao thửa đất lâm nghiệp thuộc Tiểu khu 858, tờ bản đồ số 02, tổng diện tích 76,7ha, thửa đất số 174 và khi giao đất không ai có ý kiến gì.

- Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/12/2024 thể hiện:

Trên vùng đất liên quan đến tranh chấp, gia đình ông D, bà T đã xây dựng ngôi nhà cấp bốn 02 gian, các công trình đi kèm và các loại cây cối để ở ổn định từ năm 1998, một phần diện tích gia đình ông D, bà T đắp đập nuôi thủy sản, trồng keo nguyên liệu thu hoạch nhiều lứa và tiếp tục trồng mới...

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm b

khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 160, Điều 161, Điều 163, Điều 165, Điều 180, Điều 182, Điều 183, Điều 189 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T10 về việc buộc ông Trần Đình D, bà Nguyễn Thị T phải trả lại diện tích đất rừng sản xuất (phần diện tích hiện gia đình ông D, bà T đang chiếm dụng) thuộc thửa đất số 174, tờ bản đồ số 02, Tiểu khu H, tại xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T10.

- Bác yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T10 về việc hủy hồ sơ giao đất lâm nghiệp của ông Trần Đình D ngày 25/11/1998, diện tích 76,7 ha.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 14/4/2025, Công ty T10 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện của Công ty T10 giữ nguyên kháng cáo và trình bày:

Năm 2019-2001, Công ty T10 được Nhà nước thông báo cho thu gom đất của dân không đủ canh tác để đưa vào sản xuất kinh doanh. Công ty T10 đã mua 06 lô đất của 06 hộ dân gồm hộ ông Nguyễn Cảnh H1, ông Vi Văn K, ông Vi Văn T2, ông Lào Văn N, ông Lô Văn H2 và ông Lô Văn T7, tổng diện tích của 06 lô đất là 80,6 ha và đều giáp ranh với nhau và đều đã được cấp Sổ Lâm bạ. Sau khi mua các lô đất này, Công ty T10 lên UBND xã T và UBND huyện T để xin làm GCNQSDĐ của các lô đất thì UBND các cấp trả lời đất đã cấp GCNQSDĐ cho ông Trần Đình D nên không đồng ý cấp GCNQSDĐ cho Công ty T10, đồng thời trả lời hướng dẫn các bên nên tự hoà giải. Sau đó, UBND xã T đã hoà giải nhiều lần nhưng không thành nên Công ty T10 khởi kiện. Các tài liệu, chứng cứ đã được Công ty T10 cung cấp đầy đủ cho Tòa án để giải quyết tranh chấp là hợp pháp, đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lào Thị T3, ông La Văn T5; người đại diện theo uỷ quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Vi Văn K, bà Bùi Thị K1; của ông Nguyễn Cảnh H1 và bà Vi Thị T1; của ông Lào Văn N và bà Lang Thị V trình bày:

Thừa nhận gia đình của các ông bà có đất rừng, đã được cấp Sổ Lâm bạ, đã bán cho Công ty T10 và đã được Công ty T10 giao nhận đủ tiền bán đất rừng là đúng sự thật. Các ông bà đã bán đất rừng nên không có yêu cầu gì liên quan đến đất rừng đã bán.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp

hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn Công ty T10 là trong thời hạn, đúng quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của Công ty T10; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty T10 là trong thời hạn, đúng quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt một số đương sự nhưng trong đó có người đã uỷ quyền cho người khác tham gia phiên tòa, những người khác đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Trên cơ sở ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 155 Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với nội dung Công ty T10 khởi kiện yêu cầu ông Trần Đình D trả lại diện tích đất rừng sản xuất (phần diện tích hiện gia đình ông D, bà T đang chiếm dụng) thuộc thửa đất số 174, tờ bản đồ số 02, Tiểu khu H, tại xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An và yêu cầu hủy hồ sơ giao đất lâm nghiệp của ông Trần Đình D ngày 25/11/1998, diện tích 76,7 ha.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định:

- Ngày 27/10/1995 các ông La Văn T5, ông Lào Văn N, ông Lô Văn H2, ông Vy Văn T9, ông Nguyễn Cảnh H1 và ông Vy Văn K2 có đơn xin nhận đất lâm nghiệp để sử dụng. Ngày 12/01/1996, UBND huyện T, tỉnh Nghệ An có Quyết định số 04/QĐ/UB giao quyền quản lý sử dụng đất lâm nghiệp cho các cá nhân có đơn xin nhận đất. Theo Biên bản giao nhận đất lâm nghiệp và Quyết định (Lâm bạ) của Hạt kiểm lâm huyện T thì ông L Văn Hoa được giao đất tại lô số 93, diện tích 13,5 ha; ông Lào Văn N được giao đất tại lô số 51, diện tích 20,6 ha; ông Vy

Văn T9 được giao đất tại lô số 84, diện tích 11,2 ha; ông Nguyễn Cảnh H1 được giao đất tại lô số 85, diện tích 11,0 ha và ông Vy Văn K2 được giao đất tại lô số 96, diện tích 13,2 ha; riêng ông La Văn T5 được giao đất tại lô đất số 75, tiểu khu H, diện tích 10,7 ha, cùng có địa chỉ tại xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

- Ngày 10/5/1998, ngày 07/6/1998 và ngày 07/6/2001 các ông Lào Văn N, ông Lô Văn H2, ông Vy Văn T9, ông Nguyễn Cảnh H1 và ông Vy Văn K2 đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp được giao sử dụng nêu trên cho ông Nguyễn Văn Đ (Công ty T10). Việc chuyển nhượng được các bên thực hiện bằng các văn bản viết tay, ghi thời gian và nội dung chuyển nhượng không có sự thống nhất và không có xác nhận hay chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, các ông Lào Văn N, ông Vi Văn T2, ông La Văn T5, ông Nguyễn Cảnh H1, bà Lào Thị T3 và người đại diện của những người thừa kế của ông Vi Văn K cho rằng đất đã bán cho ông Nguyễn Ngọc Đ1 do gia đình các ông bà khai hoang để trồng ngô, sản từ năm 1983, đến năm 1996 thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất tại thực địa và Sổ Lâm B nhưng các ông bà trên không xác định được thực tế đất của mình được giao ở vị trí nào, cụ thể tứ cận giáp ranh những ai.

- Sau khi ông Trần Đình D có đơn xin nhận đất lâm nghiệp để sử dụng, theo Quyết định số 435/QĐ/UB ngày 25/11/1998 của UBND huyện T, tỉnh Nghệ An và Biên bản giao nhận đất lâm nghiệp tại thực địa ngày 15/5/1998 thì ông Trần Đình D được giao lô đất số 4 (khoảng 3), tiểu khu H, diện tích 76,7 ha tại xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị T đã xây dựng giếng nước, nhà ở trên đất lâm nghiệp được giao và sử dụng cho đến nay.

- Theo trình bày của UBND xã T, UBND huyện T, tỉnh Nghệ An và Hạt Kiểm lâm T thì hồ sơ giao đất lâm nghiệp cho các hộ ông Nguyễn Cảnh H1, ông Lào Văn N, ông La Văn T5, ông Vy Văn T9, ông Vy Văn K2, ông Lô Văn H2 tại Tiểu khu H là sai vì Tiểu khu H là thuộc địa bàn hành chính xã T và hồ sơ giao đất lâm nghiệp cho các hộ trên theo Nghị định 02/CP của Chính phủ hiện nay Hạt Kiểm lâm Tân kỳ không còn lưu giữ. Đối với hồ sơ giao đất lâm nghiệp cho ông Trần Đình D là đúng Tiểu khu H tại xã T.

- Do đó, không có cơ sở xác định hộ ông Trần Đình D lấn chiếm, sử dụng trái phép đất của Công ty T10. Bản án sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện nêu trên của Công ty T10 là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Đối với nội dung Công ty T10 yêu cầu buộc gia đình ông Trần Đình D phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đối với thửa đất số 174 và phải san lấp ao hồ trả lại nguyên trạng đất ban đầu.

Yêu cầu này được Công ty T10 đưa ra sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên Tòa án sơ thẩm không xem xét, giải quyết mà dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác cho Công ty T10 là đúng pháp luật.

[3] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Công ty T10. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của

đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

[4] Kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty T10 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T10. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Nguyên đơn, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T10 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007755 ngày 25/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 2-TANDTC;
- Viện CT&KSXXPT tại Hà Nội, VKSNDTC;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, VPTA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng